

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 853/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Ông Phạm Văn Chính

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huỳnh N, sinh năm 1995; Địa chỉ: 50/1A ấp X, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1990; Địa chỉ: 50/1A ấp X, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Trần Thị Huỳnh N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn E tự nguyện tìm hiểu đến với nhau và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72 được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2018.

Sau khi kết hôn bà và ông E sống tại địa chỉ: Số 50/1A ấp X, xã Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống chung ban đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Ông E không chịu đi làm phụ giúp gia đình chỉ ở nhà chơi cờ bạc, không có trách nhiệm chăm lo cho con cái,

nhiều lần giữa bà và ông E gây gổ nhau. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông E vẫn không thay đổi mà còn xúc phạm gia đình bà. Giữa bà và ông E không có tiếng nói chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2019 bà và ông E đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, ông E bỏ mặc không quan tâm đến bà và con, mạnh ai nấy sống. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông E nữa và không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với Ông Nguyễn Văn E.

Về con chung: Bà và ông E có 01 con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 14/3/2016. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Gia P, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N khai không có.

Về nợ chung: Bà N khai không có.

Về phía bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông E nhưng ông E vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày, nên vụ kiện được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa bà Bùi Thị Tâm phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định theo Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn E vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông E và phải chịu hậu quả theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: bà N và ông E có đăng ký kết hôn năm 2018. Giữa bà N và ông E phát sinh mâu thuẫn, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông E là phù hợp quy định pháp luật tại điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, bà N và ông E có 01 con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 14/3/2016. Hiện nay con chung Trần Gia P đang sống với bà N, được bà N chăm sóc tốt, có nơi cư trú ổn định nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà N. Về cấp dưỡng, bà N không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung không có, nợ chung không có nên không xem xét.

Bởi các lẽ trên, căn cứ Điều 56, 81 Luật HNGĐ năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với Ông Nguyễn Văn E, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự Nng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Ông Nguyễn Văn E không đến tòa và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Em.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Huỳnh N và Ông Nguyễn Văn E kết hôn trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72 ngày 24/7/2018, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay bà N và ông E phát sinh mâu thuẫn, bà N xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét hôn nhân giữa bà N và ông E có nhiều mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện tại bà N không còn tình cảm với ông E, không yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con cái. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông E vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông E là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông E. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà N.

[4] Về con chung: bà N và ông E có 01 con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 14/3/2016. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Gia Phước, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay bà N đang nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên yêu cầu của bà N được nuôi dưỡng con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:.

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Huỳnh N. Bà Trần Thị Huỳnh N ly hôn ông Nguyễn Văn E.

2. Về con chung: Bà N và ông Em có 01 con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 14/3/2016. Sau khi ly hôn, bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Gia P đến tuổi trưởng thành. Tạm ngưng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông E cho đến khi bà N có yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này, khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Huỳnh N phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ theo biên lai đóng tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/ 0074700 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THA dân sự HM;
- UBND xã Đ, huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Tuyền